

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**TẠ HƯƠNG TRANG**

**PHƯƠNG THỨC TRẦN THUẬT CỦA  
TRUYỆN NGẮN THỂ SỰ - ĐỜI TƯ TRONG  
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU 1986**

**Ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 9 22 01 21**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC**

**HÀ NỘI - 2019**

*Công trình được hoàn thành tại:*

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS.TS LÊ QUANG HÙNG**

*Phản biện 1:* PGS.TS Trương Đăng Dung

*Phản biện 2:* PGS.TS Trần Khánh Thành

*Phản biện 3:* PGS.TS Hoàng Minh Lường

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vào hồi ....giờ ... ngày ... tháng ... năm 201...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Trong loại hình văn xuôi tự sự, truyện ngắn được đánh giá là một thể loại có tính thích ứng cao với thời đại nó tồn tại và phát triển. Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường như ngày nay, truyện ngắn phù hợp với thị hiếu của độc giả bận rộn khi họ không có nhiều thời gian dành cho việc nhâm nhi chiêm nghiệm một tác phẩm. Lựa chọn mốc 1986 chúng tôi không chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu tác phẩm mà hơn hết đó là mốc thời gian quan trọng diễn ra Đại hội VI của Đảng. Mặt khác, đây cũng là mốc thời gian ghi nhận những cách tân đáng chú ý của các thể loại văn học, những tác phẩm truyện ngắn thực sự có giá trị cũng bắt đầu ra đời từ đây.

1.2. Ở một phương diện khác, khi lựa chọn đề tài này, chúng tôi căn cứ vào chủ đề và cảm hứng của văn xuôi sau 1986 nổi bật lên ba khuynh hướng chính, đó là: khuynh hướng sử thi, khuynh hướng thế sự - đời tư và khuynh hướng triết luận. Trong ba khuynh hướng ấy thì khuynh hướng thế sự - đời tư được đánh giá là khuynh hướng thu hút nhiều người tham gia viết nhất, trở thành niềm say mê hứng khởi sáng tác ở nhiều cây bút truyện ngắn xuất sắc.

1.3. Giai đoạn từ sau 1986, cái mà văn học và công chúng quan tâm là nhà văn - anh đã làm mới “đứa con tinh thần” của mình như thế nào, nói một cách khác là anh đã có thêm tiếng nói, cách nói gì. Theo đó, nghệ thuật trần thuật trong tác phẩm được đề cao hơn bao giờ hết. Trong cấu trúc tác phẩm văn xuôi nói chung, truyện ngắn nói riêng thì trần thuật bao gồm các yếu tố cấu thành nên một tác phẩm hoàn chỉnh, đồng thời cũng tạo nên một “chất” khác lạ để phân biệt sáng tác của người này với người khác, góp phần tạo nên cái “tâm” của nhà văn. Nhà văn nếu lựa chọn hình thức trần thuật phù hợp sẽ đem lại hiệu quả trong cách truyền tải nội dung, tư tưởng của tác phẩm.

Với những lí do trên, tìm hiểu *Phương thức trần thuật của truyện ngắn thế sự - đời tư trong văn học Việt Nam từ sau 1986* chính là một cách để phân tích, đánh giá đầy đủ những đặc điểm, thành tựu của truyện ngắn Việt Nam thời kì đổi mới trên các phương diện: đối tượng, nội dung phản ánh và hình thức nghệ thuật. Bên cạnh đó chúng tôi mong muốn kết quả nghiên cứu của luận án này sẽ là những tài liệu tham khảo có giá trị thực

tiền đối với công tác nghiên cứu và giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng và phổ thông.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Tìm hiểu, đánh giá đặc điểm phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư trong văn học Việt Nam từ sau 1986 để khẳng định sự thống nhất biện chứng giữa đối tượng, nội dung biểu hiện với phương thức thể hiện trong thể loại truyện ngắn, khẳng định rõ thêm thành tựu của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Đưa ra quan niệm về truyện ngắn thể sự - đời tư từ góc nhìn của lí thuyết tự sự học hiện đại, từ sự khu biệt giữa truyện ngắn thể sự - đời tư với các khuynh hướng truyện ngắn khác như truyện ngắn theo khuynh hướng sử thi, truyện ngắn theo khuynh hướng triết luận.

- Chỉ ra những cơ sở cho sự phát triển của truyện ngắn theo khuynh hướng thể sự - đời tư, tái hiện diện mạo của truyện ngắn theo khuynh hướng này trong văn học Việt Nam từ sau 1986.

- Phân tích những đặc điểm của phương thức trần thuật qua các phương diện như: điểm nhìn trần thuật, cách tổ chức tình huống, kết cấu.

- Phân tích những đặc điểm của phương thức trần thuật qua ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận án của chúng tôi tập trung nghiên cứu thể loại truyện ngắn trong văn học Việt Nam hiện đại (từ sau 1986 đến nay). Từ những khảo sát trên thực tế tác phẩm, chúng tôi phân loại truyện ngắn thành 3 khuynh hướng: sử thi, thể sự - đời tư và triết luận. Cảm hứng sáng tác chủ đạo là tiêu chí để chúng tôi phân loại truyện ngắn thành các khuynh hướng như vậy. Trong đó chúng tôi đặc biệt quan tâm tìm hiểu sự vận động và phát triển của truyện ngắn thể sự - đời tư, lí giải những đặc điểm riêng của thể tài truyện ngắn này trên cơ sở những lí thuyết chung về thể loại. Luận án tập

trung vào phương thức trần thuật bao gồm: điểm nhìn trần thuật, tổ chức tình huống, kết cấu, ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật.

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Thực hiện đề tài này, chúng tôi dành sự quan tâm đến một số tập truyện ngắn, tuyển tập truyện ngắn đã được xuất bản của các nhà văn tiêu biểu như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Thị Thu Huệ... và một số cây bút trẻ có truyện ngắn đạt giải từ sau 1986 đến nay đã được in trong các tuyển tập.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện đề tài, để thấy được sự vận động và phát triển của truyện ngắn thể sự - đời tư trong văn học Việt Nam từ sau 1986, chúng tôi mở rộng phạm vi nghiên cứu tới truyện ngắn trước và sau 1986 để có cái nhìn đối sánh và sâu hơn về đối tượng.

## **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### ***4.1. Phương pháp luận***

Luận án của chúng tôi chủ yếu sử dụng lí thuyết tự sự học hiện đại. Từ cơ sở lí thuyết này, chúng tôi quan niệm truyện ngắn thể sự - đời tư như một thể tài cơ bản của thể loại truyện ngắn. Ngoài ra chúng tôi tiếp cận truyện ngắn thể sự - đời tư từ góc độ trần thuật học trong khảo sát, phân tích, khái quát hóa, làm rõ hơn các yếu tố về hình thức biểu hiện như điểm nhìn, tình huống, kết cấu, ngôn ngữ, giọng điệu... Mỗi yếu tố cụ thể đó mang nét riêng, tạo ra đặc trưng khu biệt truyện ngắn thể sự - đời tư trong tiến trình vận động và phát triển của văn học Việt Nam đương đại.

### ***4.2. Phương pháp nghiên cứu***

Để hoàn thành các nhiệm vụ khoa học đã xác định trước, chúng tôi vận dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau: Phương pháp phân tích - tổng hợp, Phương pháp hệ thống, Phương pháp so sánh, Phương pháp loại hình, Phương pháp lịch sử - xã hội, Phương pháp thống kê - phân loại.

## **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

- Luận án cung cấp cái nhìn hệ thống về truyện ngắn Việt Nam giai đoạn sau 1986 trong bước chuyển của lịch sử văn học, góp phần khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa nội dung phản ánh, kiểu nhân vật với phương thức trần thuật trong thể loại này.

- Luận án là công trình đầu tiên tìm hiểu và phân tích một cách tương đối

toàn diện, có hệ thống về đặc điểm phương thức trần thuật của truyện ngắn viết theo khuynh hướng thế sự - đời tư trong văn xuôi Việt Nam từ sau 1986.

## **6. Ý nghĩa lí luận và thực tiễn của luận án**

### **6.1. Ý nghĩa lí luận**

Bằng việc phân tích phương thức trần thuật của truyện ngắn thế sự - đời tư trong văn học Việt Nam từ sau 1986, luận án góp phần làm sáng tỏ ý nghĩa của lí thuyết tự sự học hiện đại.

Xét về mặt cấu trúc loại hình, từ việc phân tích, đánh giá truyện ngắn thế sự - đời tư luận án góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa quan niệm nghệ thuật về hiện thực, con người với các phương diện thuộc phương thức trần thuật của thể loại.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Với đề tài này, luận án đã khảo sát, khái quát, tổng kết bước đầu các khuynh hướng truyện ngắn Việt Nam từ sau 1986 trong đó nổi bật là khuynh hướng thế sự - đời tư. Từ đó, làm sáng tỏ sự vận động, phát triển, thành tựu và hạn chế của thể loại truyện ngắn trong văn học Việt Nam hiện đại.

Bên cạnh đó, luận án có thể trở thành tài liệu tham khảo cho những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập, những ai quan tâm.

## **7. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận án có nội dung chính gồm 4 chương như sau:

**Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu**

**Chương 2: Truyện ngắn thế sự - đời tư trong sự vận động, phát triển của văn học Việt Nam từ sau 1986**

**Chương 3: Điểm nhìn trần thuật, tổ chức tình huống và kết cấu trong truyện ngắn thế sự - đời tư từ sau 1986**

**Chương 4: Ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật của truyện ngắn thế sự - đời tư từ sau 1986**

## Chương 1

### TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

#### **1.1. Quan niệm chung về phương thức trần thuật trong truyện ngắn thể sự - đời tư**

##### ***1.1.1. Khái niệm truyện ngắn thể sự - đời tư***

*Từ điển Tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên) định nghĩa *thể sự* là “việc đời”. Theo cách hiểu khái quát đó truyện ngắn thể sự là truyện ngắn viết về cuộc sống đời thường, về thể thái nhân tình, về con người của thực tại. *Đời tư* hay đời sống cá nhân được hiểu là “cuộc sống của một cá nhân, đặc biệt được xem như toàn bộ sự lựa chọn cá nhân góp phần nhận dạng tính cách một người” (Theo *Từ điển Wikipedia tiếng Việt*). Nó hướng đến đời sống tinh thần phong phú, phức tạp của con người với những ham mê, dục vọng thường tình, những khắc khoải về số phận, những cảm xúc gần gũi, đời thường.

Từ những điều đã trình bày ở trên có thể hiểu truyện ngắn thể sự - đời tư là truyện ngắn viết về cuộc sống hàng ngày và số phận của mỗi con người cá nhân trong dòng chảy vô thường ấy. Sáng tác theo khuynh hướng thể sự - đời tư, người cầm bút xem cuộc sống hàng ngày đang diễn ra là đối tượng sinh động và thú vị, số phận con người cá nhân là một đích đến của văn chương. Thể tài này không phải đến văn học sau 1975 mới có mà nó đã manh nha hình thành thậm chí có thời kì phát triển đạt được nhiều thành tựu trước đó.

##### ***1.1.2. Quan niệm chung về phương thức trần thuật***

Với bất cứ tác phẩm nào thuộc loại hình tự sự (truyện) thì trần thuật luôn là yếu tố then chốt, phương diện cơ bản. Theo đó, trần thuật thường được hiểu là “việc giới thiệu, khái quát, thuyết minh, miêu tả đối với nhân vật, sự kiện, hoàn cảnh, sự vật theo cách nhìn của một người trần thuật nhất định” [94; tr.364]. Cho nên, có thể nói rằng trần thuật chính là việc tổ chức tác phẩm tự sự theo một điểm nhìn, cách nhìn nhất định. Trần thuật gắn liền với tất cả các yếu tố trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm như bố cục, kết cấu, tổ chức không gian, thời gian, ngôn ngữ, giọng điệu. Nó là một hệ thống tổ chức phức tạp “nhằm đưa hành động, lời nói của nhân vật vào đúng vị trí của nó để người đọc có thể lĩnh hội theo đúng ý định tác giả (mối quan

hệ giữa câu chuyện và cốt truyện)” [94; tr.364].

### **1.1.3. Phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư**

Tìm hiểu phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự, đời tư, chúng tôi vẫn sử dụng khái niệm phương thức trần thuật và các hình thức phương thức trần thuật của tự sự nói chung. Từ đó, chúng tôi sẽ bước đầu nhận diện đặc trưng thể loại gắn với thể tài sẽ chi phối đến hệ thống thi pháp, ngôn ngữ nghệ thuật, mà với tự sự thì quan trọng bậc nhất vẫn là trần thuật, sự kể, cách kể, chiến lược kể.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng mở rộng khảo sát, tìm hiểu mọi yếu tố chi phối đến các phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự, đời tư như tình huống/ sự kiện, kết cấu, ngôn ngữ, giọng điệu... để có cái nhìn toàn tri, đa chiều, thấu đáo, đặt phương thức trần thuật trong chính thể tổ chức nghệ thuật của tác phẩm tự sự.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu phương thức trần thuật trong văn xuôi**

### **Việt Nam từ sau 1986**

#### **Một số nghiên cứu ngoài nước**

Trước hết, ở nước ngoài, người có công đầu trong việc nghiên cứu nghệ thuật tự sự phải kể đến là P.Lubbock, một nhà nghiên cứu người Anh. Trong tác phẩm *Nghệ thuật văn xuôi*, ông đã đưa ra bốn hình thức trần thuật cơ bản: “toát yếu toàn cảnh”, “người trần thuật kịch hóa”, “ý thức kịch hóa”, “kịch thực thụ”. Và trong quan niệm của mình, P.Lubbock coi hình thức trần thuật này là hình thức hoàn hảo nhất.

N.Fridman trong tác phẩm *Điểm nhìn trong tiểu thuyết* đã đưa ra một sự phân loại tương đối chi tiết về người kể chuyện bao gồm bốn hình thức người kể chuyện: “toàn năng biên tập”, “toàn năng trung tính”, “tôi là nhân chứng”, “tôi là vai chính”, “toàn năng cục bộ đa bội”, “toàn năng cục bộ đơn bội”, “mô thức kịch” và cuối cùng là trần thuật theo kiểu “camera”.

Pospelov trong cuốn *Dẫn luận nghiên cứu văn học* cũng bàn về vị trí người trần thuật trong nghệ thuật trần thuật. Theo Pospelov thì “người trần thuật là loại người môi giới các hiện tượng được miêu tả và người nghe hoặc người đọc là người chứng kiến và người cất nghĩa các sự việc xảy ra”. Ở đây, Pospelov đã đặc biệt quan tâm đến vai trò của người kể chuyện trong nghệ thuật trần thuật.



## Một số nghiên cứu trong nước

Bên cạnh các nhà nghiên cứu nước ngoài, các nhà nghiên cứu trong nước cũng dành sự quan tâm đến nghệ thuật trần thuật. Có thể kể đến một số công trình và bài viết như: Lại Nguyên Ân với bài viết “Về việc mở ra môn Trần thuật học trong ngành nghiên cứu văn học ở Việt Nam” đã đồng nhất trần thuật học với tự sự học. Trong *Tự sự học tập 2*, Phương Lựu lại đưa ra vấn đề về phân loại góc nhìn trần thuật. Trần Huyền Sâm cũng trong cuốn chuyên luận này có bài viết “Kiểu tự sự đánh tráo chủ thể trần thuật trong tiểu thuyết hậu hiện đại”, Trần Mạnh Tiến có bài “Nghệ thuật trần thuật trong một số tự truyện tiêu biểu giai đoạn 1930 - 1945”, Nguyễn Việt Hà có bài “Hoạt lực trần thuật trong tiểu thuyết Tình ơi là tình của Elfied Jelinek”... Các nhà nghiên cứu này lần lượt đưa ra những cách hiểu của mình về lí thuyết trần thuật.

Về phương thức trần thuật của truyện ngắn giai đoạn từ sau 1986 cho đến nay từng có khá nhiều ý kiến của các nhà nghiên cứu. Các ý kiến thường tập trung đánh giá về một hay một vài phương diện nghệ thuật: Bích Thu trong bài “Những thành tựu của truyện ngắn sau 1975”, Nguyễn Văn Long trong cuốn *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy* đưa ra những nét mới trong nghệ thuật biểu hiện, Thái Phan Vàng Anh qua bài nghiên cứu “Ngôn ngữ trần thuật trong truyện ngắn đương đại” đã chỉ ra những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ truyện ngắn đương đại, đó là tính chất hiện đại, tính chất văn hóa vùng miền và tính chất đa thanh. Hòa Diệu Thúy thông qua bài viết “Sự vận động của truyện ngắn Việt Nam sau 1975 qua những cách tân về hình thức” đã mang đến một cái nhìn khái quát về những nỗ lực cách tân nhằm đổi mới thể loại của nhiều cây bút truyện ngắn, Lê Hương Thủy trong “Một góc nhìn truyện ngắn 2008”...

Ngoài ra, trong những năm gần đây, nhiều luận văn, luận án khoa học cũng đề cập đến vấn đề đổi mới thi pháp thể loại truyện ngắn đương đại ở nhiều khía cạnh khác nhau. Trong những công trình này, các tác giả cũng đề cập đến sự thay đổi giọng điệu, sự lên ngôi của giọng giễu nhại, giọng hài hước, giọng chiêm nghiệm...; đề cập đến tác động của việc tổ chức không

gian với việc hình thành tính cách nhân vật.

### **1.3. Tình hình nghiên cứu về phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư từ sau 1986**

Điềm qua các tình hình nghiên cứu về văn học Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay chúng tôi nhận thấy số lượng các công trình, bài viết trực tiếp đề cập đến vấn đề thể sự - đời tư trong mảng văn xuôi mà cụ thể hơn là truyện ngắn Việt Nam từ sau 1986 còn ít ỏi so với những thành tựu mà khuynh hướng này đạt được.

Có thể thấy, phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư cũng giống như các phương thức trần thuật trong tự sự nói chung. Tuy nhiên, đây là loại hình truyện ngắn tiếp cận đời sống theo kiểu thể tài riêng nên các phương thức trần thuật cũng được sử dụng sáng tạo, kết hợp linh hoạt, gắn liền với cách nhìn, tiếp cận hiện thực cuộc sống và con người riêng. Mặt khác, các phương thức trần thuật trong truyện ngắn thể sự - đời tư còn chịu sự chi phối của đặc trưng thể loại truyện ngắn với hệ thống thi pháp, cách tiếp cận đời sống riêng, phù hợp với dung lượng ngắn, lối viết súc tích. Do đó, khi khảo sát các phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư trong văn học Việt Nam sau 1986, chúng tôi đi sâu vào những phương thức chính, đặc trưng trong tổng thể tổ chức cấu trúc nghệ thuật tự sự của tác phẩm và mối quan hệ tương tác với bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của thời đại.

#### **Tiểu kết chương 1**

Khi bàn về truyện ngắn sau 1986 nói chung, phương thức trần thuật của truyện ngắn sau 1986 nói riêng, sự thật hiển nhiên là những nghiên cứu, quan niệm thể loại đã bao hàm truyện ngắn theo khuynh hướng thể sự - đời tư. Mỗi nghiên cứu, công trình, bài viết đã đề cập đến một khía cạnh nào đó của khuynh hướng truyện ngắn này trong quá trình vận động, phát triển của văn học Việt Nam sau 1986. Tuy nhiên, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy chưa có một công trình nào mang tầm phổ quát thấu tóm những thành tựu về truyện ngắn thể sự - đời tư sau 1986 nói chung, đi sâu nghiên cứu phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư sau 1986 nói riêng. Trên tinh thần tiếp thu các công trình đã công bố trước đó cùng với sự tìm tòi, sáng

tạo chúng tôi mạnh dạn triển khai công trình *Phương thức trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư trong văn học Việt Nam từ sau 1986* hi vọng sẽ đóng góp thêm một cách nhìn tổng quan, toàn diện về một khuynh hướng văn học lớn cũng như thành tựu trên phương diện trần thuật của truyện ngắn thuộc khuynh hướng này dựa trên những lý thuyết thể loại nền tảng.

## Chương 2

### TRUYỆN NGẮN THỂ SỰ - ĐỜI TƯ TRONG SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU 1986

#### 2.1. Những tiền đề cho sự phát triển của truyện ngắn thể sự - đời tư trong văn học Việt Nam từ sau 1986

##### 2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội nhiều biến động trong công cuộc đổi mới đất nước

Năm 1975 cuộc kháng chiến chống Mỹ trường kì đã kết thúc thắng lợi với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, non sông nối liền một dải, đất nước thống nhất bước vào thời kì khôi phục và phát triển.

Trước đây trong điều kiện chiến tranh thì những vấn đề như nhu cầu, khát vọng cũng như đau khổ của cá nhân tạm thời bị gác lại để lo cho vận mệnh của cộng đồng. Giờ đây, cuộc sống thời bình trở lại, con người có những thay đổi trong tâm tư, tình cảm, buộc phải đối mặt với những nhu cầu trần tục liên quan đến chính mình cũng như các giá trị nhân bản của nó.

##### 2.1.2. Quan niệm nghệ thuật mới về con người

##### 2.1.2.1. Từ quan niệm con người kiểu sử thi chuyển dần sang quan niệm con người thể sự, đời tư

Cảm hứng thể sự sau 1986 đem lại cho văn xuôi nói chung, truyện ngắn nói riêng nhiều chất đời thường hơn, trước hết là ở khả năng chiếm lĩnh con người từ góc độ đời tư. Con người ấy sẽ được mô tả trong sự đan chéo mật thiết với hoàn cảnh lịch sử - xã hội.

Qua sự phân loại, chúng tôi nhận thấy, khi khám phá con người trong tính đa chiều của các mối quan hệ, nhân vật trong sáng tác của các nhà văn viết truyện ngắn theo khuynh hướng thể sự - đời tư là những nhân vật bị mất đi cái tên khai sinh mà cha mẹ đã đặt cho họ, chỉ còn tồn tại những cái tên đã được mã hóa gắn liền với chức tước, địa vị mà họ đang có. Chính bởi thế mà sâu thẳm trong nhận thức của những nhân vật này luôn chất chứa nỗi cô đơn khi không được công nhận là một “nhân vị” với đầy đủ quyền của một con người.

### *2.1.2.2. Con người được khám phá với cái tôi cô đơn khủng hoảng thường trực*

Cảm thức cô đơn xuất hiện trong tác phẩm của các nhà văn viết truyện ngắn theo khuynh hướng thế sự - đời tư sau 1986 như là một căn bệnh tinh thần phổ biến của xã hội.

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy có ba kiểu cô đơn xuất hiện chủ yếu trong những truyện ngắn viết theo khuynh hướng thế sự - đời tư, đó là: kiểu cô đơn của những người đã từng đi qua chiến tranh, kiểu cô đơn của những con người bé nhỏ và kiểu cô đơn của những người nghệ sĩ. Bằng cách này hay cách khác, một loạt các từ ngữ khi thì trực tiếp bộc lộ nỗi cô đơn như: *buồn, cô đơn, thờ dãi* đặt trong không gian tù đọng và ngột ngạt như không gian *căn phòng, gác xép, ngôi nhà*; khi thì thông qua hành động để tỏ bày.

### *2.1.2.3. Con người được khám phá ở sự thức tỉnh về giá trị tự thân*

Bản đến thế sự, đời tư là bản đến con người cá nhân. Bởi lẽ chỉ có con người cá nhân mới có ý thức sống cuộc đời của chính họ với những câu chuyện cuộc đời quanh đau khổ hay hạnh phúc chỉ thuộc về riêng họ chứ không thuộc tầm kiểm soát hay thao túng của bất cứ tập đoàn người nào.

Chúng tôi cho rằng sự thức tỉnh giá trị tự thân của con người cá nhân thể hiện sâu sắc và rõ nét nhất ở giới văn được coi là phái yếu. Lấy nội dung chính là những câu chuyện thế sự - đời tư, các tác giả không chỉ ngợi ca “thiên tính nữ” qua vẻ đẹp mẫu tính, qua sự trung thực với bản ngã tự nhiên, mà còn kí gửi vào nhân vật ước vọng về một trình độ phát triển cao của cá nhân, khi ấy người phụ nữ đạt được vị thế xứng đáng với vai trò của họ. Những điều đó dẫn đến những điểm mới trong tinh thần nữ quyền của văn học dân tộc thời kì này.

### **2.1.3. Đổi mới về ý thức sáng tạo của nhà văn**

Ở bình diện ý thức nghệ thuật, đã có những thay đổi trong quan niệm về vai trò và chức năng của văn học, quan niệm về hiện thực và về nhà văn. Nhà văn trong nhu cầu viết về sự thật, nói rõ sự thật đã tìm cách thay đổi quan niệm trong tư duy viết của bản thân đồng thời hướng ngòi bút của

mình đến sự cách tân mới mẻ.

Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa nhà văn và công chúng trong giai đoạn sau 1986 cũng được quan tâm hơn bao giờ hết. Bạn đọc trở thành người chủ động trong việc đón nhận tác phẩm. Nhà văn là người song hành cùng bạn đọc trong quá trình sáng tạo. Lúc này độc giả có quyền đối thoại cùng nhà văn về những gì diễn ra trong tác phẩm.

## **2.2. Khái quát truyện ngắn thể sự - đời tư trong nền văn xuôi Việt Nam từ sau 1986**

### **2.2.1. Các giai đoạn của truyện ngắn thể sự - đời tư trong nền văn xuôi Việt Nam**

Khuynh hướng thể sự - đời tư không phải đến giai đoạn sau 1986 mới xuất hiện, mà có lẽ, nó đã nhen nhóm và len lỏi vào trong bức tranh đời sống với những số phận cá nhân riêng chung mà các nhà văn trước đó đã khắc tạc. Sự vận động và phát triển của truyện ngắn thể sự, đời tư nói riêng, văn học nói chung chịu sự chi phối bởi quy luật vận hành của lịch sử bởi thế cho nên có những giai đoạn người ta thấy rõ sự xuất hiện của khuynh hướng này song do hoàn cảnh chi phối nó bị khuất lấp đi nhường chỗ cho những nhiệm vụ khác cao cả hơn và rồi lại được hiện hữu trong dòng chảy của văn học với tư cách là một khuynh hướng thu hút đông người viết nhất, có sức lan tỏa mạnh mẽ.

#### **2.2.2. Diện mạo truyện ngắn thể sự - đời tư từ sau 1986**

##### **2.2.2.1. Biên độ hiện thực được mở rộng**

Khuynh hướng thể sự - đời tư không phải đến bây giờ mới xuất hiện mà trước đó đã bắt đầu xuất hiện và đạt được những thành tựu to lớn ở giai đoạn 1930 - 1945. Thể sự - đời tư gắn liền với xã hội dân sự, xã hội phong kiến giai đoạn đó dù ít hay nhiều nó cũng mang tính dân sự, gắn liền với sự phát triển của con người cá nhân. Sang đến giai đoạn sau 1986, đất nước khôi phục lại sự bình yên sau bao năm tháng chìm trong khói lửa đạn bom, người người được trở về với đời sống thường nhật của mình, tính chất dân sự vì thế lại trở lại chi phối đến sáng tác của các nhà văn giai đoạn này.

##### **2.2.2.2. Nhận thức lại những giá trị truyền thống**

Sự mở rộng chủ đề về phía “thể sự - hiện tại” đã góp phần làm thay

đổi quan niệm về thể loại truyện ngắn mà đáng lưu ý là thái độ bất tín với lịch sử. Các tác phẩm viết theo khuynh hướng này đã đi đến “giải lịch sử”, giải thiêng những điều vốn được suy tôn, ngưỡng vọng để làm nổi bật những chủ đề của đời sống thế sự nhưng có tính nhân văn.

Không khí dân chủ đổi mới mở ra cuộc đời mới cho dân tộc đồng thời đem lại tâm thế điển hình của thời đại: tâm thế hoài nghi. Tâm thế này mở đầu cho một nhu cầu, một cảm hứng rất phổ biến của văn học sau năm 1975 là nhu cầu “giải thiêng”, cảm hứng “giải thiêng”, nói một cách khác đó là nhu cầu nhận thức, đánh giá lại những giá trị đã có.

*2.2.2.3. Tính chất trào phúng - đặc điểm nổi trội của truyện ngắn khuynh hướng thế sự - đời tư*

Hướng tiếp cận đời sống từ góc độ thế sự - đời tư cũng làm lộ ra bao nhiêu cái khiếm khuyết, lệch lạc, xấu xa của con người. Chúng ta dễ dàng nhận ra sự “phục sinh” mãnh liệt của tiếng cười như một dấu hiệu biến đổi quan trọng của văn xuôi giai đoạn này, nó mang đậm sắc thái dân chủ hóa, chi phối cả giọng điệu văn chương và tạo ra những giá trị nhân văn mới. Có thể nói cùng với cảm hứng về cái bi, cảm hứng về cái hài giữ vai trò rất đáng kể làm nên diện mạo và đặc điểm của truyện ngắn thế sự - đời tư nói riêng, văn xuôi Việt Nam nói chung.

### **Tiểu kết chương 2**

Những cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn trên đây trình bày về khái niệm truyện ngắn thế sự - đời tư, được chúng tôi xem là khái niệm công cụ để chỉ khuynh hướng truyện ngắn thiên về khai thác các khía cạnh thế sự, nhân sinh, đời sống cá nhân của con người. Từ khái niệm, chúng tôi chỉ ra những tiền đề cho sự phát triển của truyện ngắn thế sự - đời tư và diện mạo của thể tài truyện ngắn này trong nền văn xuôi Việt Nam từ sau 1986 đã góp phần “nhận diện” truyện ngắn thế sự - đời tư trong sự khu biệt với các truyện ngắn sử thi, truyện ngắn triết luận. Với những thành tựu đạt được, truyện ngắn thế sự - đời tư đã khẳng định sự phát triển mạnh mẽ mang tính tất yếu của nó trong một bối cảnh xã hội, văn hóa mới. Đồng thời góp phần hoàn thiện bức tranh thể loại của văn học Việt Nam đương đại với những đóng góp không hề nhỏ bé.

### Chương 3

## ĐIỂM NHÌN TRẦN THUẬT, TỔ CHỨC TÌNH HUỐNG VÀ KẾT CẤU TRONG TRUYỆN NGẮN THỂ SỰ - ĐỜI TƯ TỪ SAU 1986

### 3.1. Ngôi kể và điểm nhìn trần thuật

#### 3.1.1. *Trần thuật ngôi thứ ba với điểm nhìn từ bên ngoài*

Điểm nhìn trần thuật bên ngoài là điểm nhìn mà ở đó người kể chuyện đứng từ bên ngoài để quan sát, theo dõi câu chuyện đang diễn ra trong tác phẩm. Theo khảo sát của chúng tôi, khi viết về số phận con người cá nhân, trần thuật từ ngôi thứ ba với điểm nhìn trần thuật bên ngoài cho phép truyện ngắn khuynh hướng thể sự - đời tư phản ánh nhân vật đa chiều và khách quan hơn. Tuy chọn hình thức trần thuật này nhưng nhà văn không trao cho người kể chuyện đặc quyền điểm nhìn toàn tri (biết tuốt) mà thay vào đó chia đều vai trò của trần thuật và điểm nhìn trần thuật cho các nhân vật khác nhau trong tác phẩm.

Văn xuôi nói chung, truyện ngắn thể sự - đời tư sau đổi mới vẫn giữ kiểu trần thuật từ ngôi thứ ba với điểm nhìn từ bên ngoài nhưng đã có những nỗ lực để rút ngắn khoảng cách giữa nhân vật và chủ thể trần thuật bằng việc hướng đến quan sát những cảnh đời, những số phận hẩm hiu tồn đọng trong xã hội để rồi khái quát thành những vấn đề mang ý nghĩa triết lí nhân sinh, có sức mạnh lay động và cảm hóa lòng người, mang lại giá trị nhân văn cao đẹp.

#### 3.1.2. *Trần thuật ngôi thứ nhất với điểm nhìn bên trong*

Theo các nhà lí luận khi nghiên cứu về tự sự học: người kể chuyện mang điểm nhìn bên trong khi anh/chị ta là nhân vật có mặt trực tiếp ngay trong câu chuyện.

Lựa chọn điểm nhìn trần thuật bên trong, các nhà văn vừa đem lại cái nhìn chủ quan đối với hiện thực được miêu tả vừa giữ được tính khách quan của người kể chuyện. Người kể chuyện trong trường hợp này là người kể chuyện không toàn tri, không biết hết mọi việc trong tương lai sẽ xảy ra như thế nào. Nhân vật lúc này bình đẳng đối thoại với bạn đọc để bộc lộ những suy tư, trăn trở trước những biến thiên, thăng trầm trời sạt



bất ổn trong cuộc đời. Mặt khác, điểm nhìn bên trong cũng giúp nhà văn khơi sâu vào thế giới nội tâm của nhân vật và nhờ đó mà tính chất tự sự của trần thuật thêm rõ nét hơn.

### ***3.1.3. Đa dạng hóa và di chuyển điểm nhìn linh hoạt***

Trong truyện ngắn viết theo khuynh hướng thế sự - đời tư thường có sự đa dạng hóa về điểm nhìn: có điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, có điểm nhìn của từng nhân vật đến điểm nhìn tập thể, có điểm nhìn của cái “tôi” trải nghiệm và của cái “tôi” chứng kiến...

Cách xây dựng, kết hợp điểm nhìn trần thuật linh hoạt đã mang lại hiệu quả thẩm mỹ phong phú cho truyện ngắn thế sự - đời tư nhờ tính đa phức điệu, khắc phục được cái nhìn chủ quan, phiến diện, định kiến, tạo nên cái nhìn mang tính khách quan, nhiều chiều hơn về con người. Chính vì vậy, cách tổ chức điểm nhìn trần thuật này đã tạo nên một cấu trúc tự sự mang tính đối thoại trong các tác phẩm truyện ngắn thế sự - đời tư từ sau 1986. Qua những câu chuyện rất đời thường mà nhà văn đã nhanh chóng nắm bắt được và thông qua cách xây dựng điểm nhìn trần thuật của mình khiến cho những câu chuyện thế sự - đời tư ấy trở thành những bài học xử thế, những triết lí nhân sinh.

## **3.2. Tổ chức tình huống**

### ***3.2.1. Tình huống tâm lí***

Tình huống tâm lý luôn gắn với các sự kiện tác động đến chiều sâu thăm tâm hồn và cả tâm linh. Việc đi sâu khai thác thế giới nội tâm phức tạp, chứa nhiều ẩn ức, nỗi niềm, khao khát, ước vọng, đôi khi là bản năng đã chạm đến mọi góc ngách trong đời sống của con người với tư cách là con người. Thân phận, cảnh ngộ, khát vọng, những niềm vui nỗi buồn, bi kịch và hạnh phúc, những mảng tối mảng sáng trong tâm hồn đều được bộc lộ tự nhiên, chân thực, từ góc nhìn nhân văn, khắc họa bản thể của con người. Việc trần thuật từ ngôi thứ nhất, hay ngôi thứ ba theo điểm nhìn của nhân vật để xây dựng loại tình huống này để lại nhiều suy tư, chứa bao chiêm nghiệm. Nó đặt ra vấn đề: mối quan hệ phong phú phức tạp của con người

với xã hội, con người với con người.

### **3.2.2. Tình huống tự nhận thức**

Tình huống được tạo dựng với những xung đột gay gắt đặt nhân vật vào thế buộc phải suy ngẫm, tự nhận thức lại, nghiền ngẫm những sự việc đã qua. Kiểu tình huống này thường gắn với nhân vật tư tưởng, nhân vật ăn năn, sám hối. Một loạt các từ như: *hóa ra, thì ra là, nhận ra, bỗng thấy...* xuất hiện trong dạng tình huống này như một sự vỡ lẽ, ngộ ra chân giá trị của nhân vật trước bức tranh đa sắc màu của cuộc sống nơi có những mảng màu của ánh sáng và bóng tối đan cài.

### **3.3. Nghệ thuật tổ chức kết cấu**

#### **3.3.1. Kết cấu đảo chiều (thời gian, sự kiện)**

Truyện có kiểu kết cấu này thường mở đầu bằng những sự kiện của hiện tại, sau đó ngược dòng quá khứ rồi có thể từ đó hướng tới tương lai.

Sự đảo chiều thời gian khiến các nhà văn tìm đến sự phối hợp của nhiều phương thức trần thuật: theo ngôi thứ ba đứng ngoài, khách quan, theo điểm nhìn của nhân vật, người kể chuyện, theo ngôi thứ nhất, từ điểm nhìn bên trong. Việc di chuyển điểm nhìn linh hoạt, đảo lộn trộn tự thời gian tuyến tính khiến các sự việc được đồng hiện, thời gian trần thuật nén lại, tạo độ căng. Điều đó cho phép nhà văn mở rộng hơn biên độ phản ánh, thể hiện cuộc sống và con người trong dung lượng ngắn gọn, ở một lát cắt hiện thực của một tình huống. Cho nên, ở các truyện ngắn thể sự - đời tư, tính khái quát, triết lý được tô đậm.

#### **3.3.2. Kết cấu phân mảnh, lắp ghép**

Kết cấu phân mảnh trong truyện ngắn thể sự - đời tư gắn với các điểm nhìn khác nhau của nhân vật và người kể chuyện. Do hạn chế về dung lượng ngắn, sự dồn nén trong một tình huống, sự kiện nên các mảnh chỉ là những tình tiết, những sự việc bất chợt, ngẫu nhiên xảy đến với các nhân vật. Mỗi mảnh ghép không chỉ dừng ở một đời người mà mỗi đời người, số phận nhân vật, hoặc trạng huống trong cuộc sống của nhân vật ấy là các mảnh khác nhau của đời sống. Sự phân mảnh đem đến cái nhìn ở nhiều khía cạnh, nhiều tính cách, tâm trạng khác nhau mà con người phải đối mặt ngay

trong cuộc sống hàng ngày, với những vấn đề nhân sinh thiết yếu.

Song song với quá trình phân mảnh là sự lắp ghép, tạo nên hình thức kết cấu độc đáo cho truyện ngắn thể sự - đời tư. Mỗi truyện ngắn viết theo khuynh hướng này là tập hợp của những truyện, những đoạn truyện, những lời tựa của tác giả, lời người dẫn truyện, mảnh hồi ức, dòng nhật kí, những suy nghĩ, liên tưởng của các nhân vật được phân mảnh và lắp ghép cạnh nhau, không chảy trôi theo mạch của thời gian tuyến tính. Quá khứ, hiện tại bị đảo lộn, đan xen, đồng hiện, đứt gãy nhưng thống nhất ở mạch ngầm: chủ đề tác phẩm. Tiếp cận kĩ thuật tự sự này, các tác giả thể hiện trạng thái hiện sinh đầy lo âu: chưa bao giờ con người xa nhau đến thế, ở giữa thế giới xô bồ này, chỉ có những đám đông rời rạc, mỗi cá thể chìm lút trong nỗi cô đơn sâu thẳm, liên tục mất mình trong từng giây, từng phút.

### **3.3.3. Kết cấu mở**

Kết cấu mở được hiểu là cách tổ chức các sự kiện, chi tiết ở phần kết trong thể phát triển “chưa hoàn thành” của hiện thực. Tác phẩm đã kết thúc nhưng vẫn còn dư âm và khoảng để ngó trong lòng người đọc. Truyện ngắn theo kiểu kết cấu này có thể không có kết thúc hoặc kết thúc chưa đưa ra một kết luận, một cách giải quyết thỏa đáng sau cùng. Ở truyện ngắn theo kết cấu mở, nhà văn có vai trò đặt vấn đề, gợi mở những cách tiếp cận, đánh giá... còn độc giả sẽ trở thành người đồng sáng tạo với nhà văn. Từ đó, mỗi câu chuyện sẽ đi trọn một cuộc hành trình của nó trong nhận thức, tư tưởng của bạn đọc. Để tạo nên những khoảng trống cho cái kết tác phẩm, nhà văn thường sáng tạo những chi tiết bất ngờ vào cuối truyện, gây ám ảnh sâu sắc với người đọc.

### **3.3.4. Kết cấu dung hợp các thể loại**

Khảo sát các sáng tác truyện ngắn tiêu biểu viết theo khuynh hướng thể sự - đời tư sau 1986, chúng tôi nhận thấy kết dung hợp các thể loại được sử dụng đã tạo ra sự thâm nhập của nhiều thể loại, nhiều kiểu văn bản khác vào truyện ngắn, tạo ra một hiệu quả nghệ thuật mang tính cộng hưởng đặc biệt. Đó là sự thâm nhập của thư, nhật kí, thơ, của ngôn ngữ chat trên mạng, của ca nhạc, đan xen các thể loại của văn học dân gian như ca dao, tục ngữ, mô típ truyện cổ hay phối ghép những huyền thoại để đưa vào tác phẩm...

Như vậy, việc đưa được một khối lượng các văn bản nghệ thuật ở

nhiều thể loại và lĩnh vực khác nhau vào cùng một tác phẩm đấy là một công việc đòi hỏi vốn tri thức am hiểu sâu sắc về các nền văn hóa, các kiến thức xã hội học... Các nhà văn bằng tài năng và vốn kiến thức uyên thâm của mình đã tạo ra trong tác phẩm một trò chơi văn bản thú vị, nó kêu gọi ý nghĩa giữa các văn bản, giữa tác giả và người đọc tạo nên một sự cộng hưởng đa âm sắc, đa giọng điệu và đa văn hóa trong tác phẩm của họ.

### **Tiểu kết chương 3**

Những nỗ lực cách tân về hình thức của các nhà văn viết truyện ngắn thể sự - đời tư trên các phương diện: điểm nhìn trần thuật, tổ chức tình huống, kết cấu góp phần không nhỏ thúc đẩy sự vận động và biến đổi của thể loại truyện ngắn trong văn học Việt Nam đương đại. Truyện ngắn thể sự - đời tư một mặt vẫn giữ những yếu tố truyện truyền thống (như điểm nhìn, tình huống, kết cấu) nhưng mặt khác trên cơ sở ấy nó đã cách tân âm thầm mà mãnh liệt. Việc linh hoạt hóa điểm nhìn trần thuật hay việc phát hiện ra tình huống nhận thức trong sự phát triển tâm lí của nhân vật, việc xây dựng những kết cấu theo mô hình lí thuyết văn xuôi hiện đại thể hiện những “ưu trội” trong việc hiện đại hóa văn xuôi nói chung của thể loại tự sự cỡ nhỏ này.

**Chương 4**  
**NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỀU TRẦN THUẬT CỦA TRUYỆN NGẮN**  
**THỂ SỰ - ĐỜI TƯ TỪ SAU 1986**

**4.1. Ngôn ngữ trần thuật**

**4.1.1. Sự gia tăng lớp ngôn ngữ thông tục của đời sống**

Thường gặp nhất trong kỹ thuật dụng ngôn của các nhà văn viết truyện theo khuynh hướng thể sự - đời tư là cách thức hoàn cảnh hóa ngôn ngữ văn học. Những sinh ngữ được các tác giả truyện ngắn khai thác theo một hướng mới không tuân theo chuẩn từ điển mà gắn chặt với hoàn cảnh phát sinh ra chúng.

Trong sáng tác của các nhà văn viết truyện theo khuynh hướng thể sự - đời tư thể hiện một tham vọng lớn, họ muốn tạo ra một trật tự ngôn ngữ mới, trong đó tất cả mọi trò chơi ngôn ngữ đều có quyền hiện diện. Cách sử dụng ngôn ngữ lệch chuẩn mang đầy đủ tính chất của một xã hội thô nhám, bẻ bộn. Hệ thống ngôn ngữ chuẩn mực không còn phát huy tác dụng tuyệt đối mà xen lẫn vào đó là ngôn ngữ thông tục, suồng sã, những biệt ngữ của thời kinh tế thị trường... Điều này góp phần hé lộ sự bất đồng, đứt gãy, thậm chí khủng hoảng của ngôn ngữ chuẩn mực truyền thống trước thực tại.

**4.1.2. Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại được kết hợp linh hoạt, đa dạng**

Đối thoại được hiểu là một hoạt động của nhân vật trong tác phẩm tự sự, là dạng lời phát ngôn trực tiếp, mang tính cá thể hóa cao của nhân vật khi tham gia giao tiếp. Dấu hiệu nhận biết sự đối thoại trong tác phẩm chính là ở hình thức tổ chức lời văn nghệ thuật trong tác phẩm tự sự được đánh dấu bằng gạch đầu dòng. Theo các nhà nghiên cứu thì tồn tại hai kiểu đối thoại như sau: kiểu đối thoại theo hình thức phân vai và kiểu đối thoại được nhấn mạnh nhờ những chỉ dẫn của người trần thuật nhằm gián lược hoạt động giao tiếp.

Độc thoại nội tâm là sự đối thoại với người vắng mặt. Việc đối thoại này thường diễn ra trong suy nghĩ, là cách nhân vật sống thật với những cảm xúc của mình. Với lối thoại này, nhiều nhà văn đã lựa chọn dạng thức *viết nhật kí* để cho nhân vật được tự do giải bày những suy tư, trăn trở mà không có bất kì lo ngại nào

về khoảng cách giao tiếp, ngôn ngữ đối thoại. Họ được là chính mình trong một thế giới tự phân thân để đi đến tận cùng cái tôi cá thể. Đứng trước những tình huống đối thoại, các nhân vật hầu hết đều chọn giải pháp khi thì giản lược, khi thì khước từ. Thay vì tán đồng hay phản đối một sự việc nào đó, các nhân vật giống như những tượng người chỉ biết “gật đầu”, “lắc đầu”.

Như vậy, trong truyện ngắn đương đại nói chung, truyện ngắn đề tài thế sự - đời tư sau 1986 nói riêng, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật. Hai loại ngôn ngữ này xuất hiện hỗ trợ đắc lực cho nhau trong việc xây dựng nhân vật cũng như thể hiện nội dung tác phẩm. Ngôn ngữ đối thoại khiến nhân vật bộc lộ tính cách, cá tính một cách rõ ràng còn ngôn ngữ độc thoại giúp nhân vật tự nói lên chiều sâu tâm hồn khi chìm đắm trong suy tư. Hai loại ngôn ngữ này xuất hiện đan xen tạo sự sinh động cho truyện ngắn, tránh sự nhàm chán đối với độc giả.

## **4.2. Giọng điệu trần thuật**

### **4.2.1. Giọng điệu mỉa mai, châm biếm, giễu nhại**

Hướng tiếp cận đời sống từ góc độ thế sự - đời tư cũng làm lộ ra bao nhiêu cái khiếm khuyết, lệch lạc, xấu xa của con người. Chúng ta dễ dàng nhận ra “sự phục sinh” mãnh liệt của tiếng cười như một dấu hiệu biến đổi quan trọng của truyện ngắn viết theo khuynh hướng này. Qua các truyện ngắn đó, các nhà văn đã thể hiện khát vọng hòa nhập với văn học thế giới, tiến gần hơn đến với văn học hậu hiện đại của thế giới. Ở luận án này, khi đề cập đến vấn đề văn học nhại, trên tinh thần xem đó là một trong những cách tân đáng ghi nhận của các nhà văn viết truyện theo khuynh hướng thế sự - đời tư, chúng tôi xem ngôn ngữ là điểm hòa nhập trong khát vọng hướng đến sự làm mới tác phẩm về mặt hình thức của các tác giả, tuy nhiên chúng tôi chú trọng đặc biệt vào việc khai thác cách sử dụng nhiều hình thức nhại ngôn ngữ khác nhau của nhà văn như: nhại ngôn ngữ đời sống với lối miêu tả quyết liệt về cái phi lý tồn tại trong cuộc sống, nhại phong cách ngôn ngữ hành chính, báo chí, truyền hình...

### **4.2.2. Giọng điệu chiêm nghiệm, hoài nghi, chất vấn**

Giọng điệu này chi phối hầu hết các giọng điệu khác, tạo thành một phong cách trần thuật mới mẻ, nâng cao tầm khái quát triết học trong các

truyện ngắn của nhà văn, khiến cho truyện ngắn của các tác giả đượm tính luận đề. Đó cũng là như câu được chia sẻ, luận bàn, được khám phá cái bề sâu, cái bản chất của cuộc sống đầy ngổn ngang, phức tạp thời hậu chiến.

Nhân vật trong truyện ngắn thể sự - đời tư hầu hết đều là những người đã bắt đầu bước sang cái dốc bên kia của cuộc đời – độ tuổi mà người ta đã qua cái thời bông bột của tuổi trẻ - có đủ sự giãn cách về thời gian, đủ trải nghiệm để suy ngẫm về những gì lẽ sống ở đời – có đủ vừng vàng để suy xét, để hoài nghi, không cả tin vào mọi giá trị. Nhìn về quá khứ, nghĩ suy hiện tại và tương lai, các nhân vật trong truyện ngắn thể sự - đời tư đều lặng lẽ quan sát để lắng sâu vào hồn mình những chiêm nghiệm suy tư cũng như hoài nghi về những giá trị, những lẽ sống.

#### **4.2.3. Giọng điệu sắc lạnh, dửng dưng, khách quan**

Gần một nửa số truyện ngắn thể sự - đời tư mà chúng tôi tiến hành khảo sát được kể ở ngôi thứ nhất - “cái tôi” trải nghiệm, vừa là chủ thể phát ngôn, vừa là tác nhân thúc đẩy tiến trình của tự sự. Có thể nhận thấy những khoảnh khắc tâm trạng của nhân vật dường như bị tẩy trắng bởi giọng điệu sắc lạnh, dửng dưng và khách quan.

Giọng điệu sắc lạnh, dửng dưng, khách quan được thể hiện thông qua hành động chối từ việc thiết lập nên những đường dây liên kết giữa các nhân vật. Chúng tôi đã tiến hành thống kê sơ bộ sự xuất hiện của những cụm từ: *im lặng, gật đầu, lắc đầu, không hỏi, không trả lời* như là những minh chứng cho thái độ của các nhân vật. Giọng điệu này được các nhà văn sử dụng như một công cụ đắc lực nhằm vào hai mục đích: một là, giọng điệu đó như là sự che giấu những diễn biến nội tâm đang chực trào ra trong đáy lòng nhân vật, từ đó phơi bày hiện thực tan vỡ. Thứ hai, giọng điệu này lại nhằm phơi bày sự cộc cằn, khô khan về cảm xúc trong đời sống tâm hồn con người thời hiện đại.

#### **Tiểu kết chương 4**

Trần thuật là một phương diện cơ bản của tự sự, bao gồm rất nhiều vấn đề liên quan đến tổ chức và cấu trúc một văn bản. Ở đây, do xuất phát từ một góc nhìn hẹp về nghệ thuật trần thuật, chúng tôi bước đầu ghi nhận

một số xu hướng trần thuật của truyện ngắn thể sự - đời tư từ sau 1986: Ngôn ngữ trần thuật giàu chất hiện thực đời thường, nhịp điệu trần thuật nhanh, tính thông tin cao; Truyện ngắn vận dụng nhiều hình thức trần thuật, trong đó tính chất phức điệu của giọng trần thuật biểu hiện ở sự pha trộn các lời nói khác nhau là một trong những nguyên nhân dẫn đến tính đa thanh, phức điệu của các giọng trần thuật. Khác với văn học các giai đoạn trước, người đọc sẽ bắt gặp trong truyện ngắn thể sự - đời tư từ sau 1986 những chất giọng đặc biệt, đặc trưng như: giọng điệu mỉa mai, chế nhạo, giọng điệu hoài nghi, chất vấn bên cạnh những chất giọng truyền thống như giọng khách quan trung tính, giọng khẳng định ngợi ca, giọng thương xót, cảm thông. Những yếu tố này góp phần thúc đẩy hiệu quả nghệ thuật của truyện ngắn nói chung, truyện ngắn thể sự - đời tư nói riêng trong việc hiện đại hóa các phương thức trần thuật đồng thời tạo nên bước ngoặt cho sự phát triển của văn học vì xét đến cùng sự phát triển của văn học gắn với những bước ngoặt ngôn ngữ nghệ thuật, nhất là tìm ra một loại ngôn ngữ mới để thể hiện.



## KẾT LUẬN

1. Sau năm 1975 khi chiến tranh kết thúc, những ánh hào quang của chiến trận dần lùi xa về quá khứ. Lúc này, trong không khí của buổi đầu đất nước thoát ra khỏi cảnh mưa bom bão đạn, con người phải đối diện với những vấn đề thể sự và nhân sinh. Văn học như một lẽ tất yếu phải đổi mới để thích ứng với sự thay đổi của lịch sử, xã hội. Đổi mới, đưa văn học Việt Nam vào cuộc hội nhập lớn với văn học nhân loại - đó là một cuộc lên đường mới của văn học dân tộc để rút ngắn khoảng cách giữa văn học và hiện thực đời sống phong phú.

2. Từ cảm hứng sử thi chuyển sang cảm hứng thể sự - đời tư, biên độ hiện thực được mở rộng kéo theo sự thay đổi trong quan niệm về con người tất yếu dẫn đến hướng tiếp cận mới với đời sống nhân sinh vốn đa sự, con người đa đoan của các nhà văn. Theo đó, bức tranh cuộc sống trong các sáng tác truyện ngắn viết theo khuynh hướng thể sự - đời tư sau 1986 mà chúng tôi tiến hành khảo sát và nghiên cứu được soi chiếu bởi cái nhìn hoài nghi và tinh thần dân chủ của tác giả.

3. Sự thay đổi quan niệm về hiện thực, con người đã giúp nhà văn có nhiều đổi mới trong nghệ thuật. Các tác giả đã âm thầm mà quyết liệt thể nghiệm bằng những cách tân mới mẻ trong phương thức trần thuật như: kết cấu lắp ghép, phân mảnh; liên văn bản; sự đa dạng hóa trong điểm nhìn trần thuật và ngôi kể; ngôn ngữ hoàn cảnh hóa và giấu nhại hướng đến tinh thần giải thiêng theo cách hiểu thuần khiết của họ. Điều đáng ghi nhận ở nhà văn khi khai thác những phương diện này chính là tính ẩn dụ nhẹ nhàng với cái nhìn tinh tế đã không biến nhân vật thành cái loa phát ngôn cho tư tưởng của mình mà ngược lại, những câu chuyện, vấn đề nhân sinh cứ hiện dần qua những con chữ như một lẽ tự nhiên phải thế. Đồng thời việc chống lại sự đơn điệu, cái hài, cái nghịch dị trong truyện ngắn, các tác giả vừa “lột tả” được một phần bản chất có thật của đối tượng, vừa dung hợp được cái bác học của suy tư, cái suồng sã của văn

hóa bình dân. Phát hiện rất nhanh nhạy cái lối bịch trong thực tại, tác giả đã khai thác đến cùng các phương diện: châm biếm, mỉa mai, trào lộng, hài hước. Hầu như toàn bộ kinh nghiệm cọ xát của nhà văn với ngôn ngữ đời sống thực tế đã được huy động: lối nói nhại, nói lái, tiếng lóng... thường xuyên hiện diện với tất cả nồng độ bụi bặm phổ phùng. Sức phê phán của chúng vừa có tính phủ định, công phá mạnh mẽ đối với cái xấu xa, lỗi thời vừa có ý nghĩa khẳng định, xây mới. Dám nhìn thẳng vào những cái hài đời với đầy những trật khớp, vênh lệch của cuộc sống thời tiền và hậu đổi mới rồi thể hiện nó bằng một thứ ngôn ngữ tương xứng để tự cười và chọc cười thiên hạ là một sự dũng cảm, một hướng đi gặp ghèn nhưng thú vị, hấp dẫn; và chính phương diện này đã bộc lộ sở trường, phong cách độc đáo và tạo ra cái gọi là “cuộc chơi lối viết” trong tác phẩm của họ.

4. Công cuộc đổi mới văn học không phải đến năm 1986 mới manh nha mà từ trước đó nó đã tích tụ âm thầm và khá dài lâu trong sự vận động nội tại của nền văn học. Đại hội lần thứ VI của Đảng diễn ra năm 1986 như một cú huých chính xác và nhạy bén làm bùng nổ sức mạnh nội tại ấy. Đây được coi là giai đoạn quan trọng và có ý nghĩa trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, khép lại thời kì văn học sử thi, mở ra một hướng đi mới đầy triển vọng cho văn học, đưa nó trả về đúng quỹ đạo vốn có, về với nơi khởi nguồn và làm nên vẻ đẹp của nó: cuộc sống và con người. Cuối cùng, có thể thấy rằng, vấn đề tiếp nhận sáng tác của của các nhà văn có ý thức cách tân văn học quyết liệt hôm nay ở nước ta cần phải được nhìn nhận trên tinh thần cởi mở, dân chủ. Chính luồng gió mới này đã thổi vào trong văn xuôi nói chung, truyện ngắn nói riêng ý thức phải tự làm mới mình đồng thời mở ra nhu cầu đối thoại giữa nhà văn với bạn đọc, nhà văn với nhân vật và nhà văn với chính bản thân mình. Có như vậy mới tạo được sự đồng thuận trong quá trình tiếp biến văn học thế giới để định hướng, điều chỉnh sự vận động, phát triển hợp lý của văn học nước nhà. Đồng thời qua đó sẽ gọi mở ra những hướng nghiên cứu về tính hậu hiện đại trong bối cảnh Việt Nam hội nhập cùng thế giới.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ  
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Tạ Hương Trang (2014), *Nhân vật - sự cụ thể hóa của tính trò chơi trong một số tiểu thuyết của Hồ Anh Thái*, Tạp chí Khoa học, Số 2/2014, tr.7-11.
2. Tạ Hương Trang (2016), *Cảm thức cô đơn trong một số tiểu thuyết của Hồ Anh Thái*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cán bộ trẻ trường Đại học Hải Phòng năm 2016, tr.377-381.
3. Tạ Hương Trang (2018), *Sự thể hiện tinh thần nữ quyền trong văn xuôi Việt Nam thời kì đổi mới từ 1986*, Tạp chí Tì điển học và Bách khoa thư, Số 1 (51)/1-2018, tr.119-124.
4. Tạ Hương Trang (2018), *Điểm nhìn trần thuật và tổ chức tình huống, kết cấu trong truyện ngắn thế sự - đời tư từ sau 1986*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Số 2 (57)/2018, tr.94-103.
5. Tạ Hương Trang (2018), *Ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật của truyện ngắn thế sự - đời tư từ sau năm 1986*, Tạp chí Tì điển học và Bách khoa thư, Số 3 (53)/5-2018, tr.90-93.